



Sảng khoái cùng thời gian





## TẦM NHÌN

Phát triển thương hiệu Chương Dương trở thành 1 trong 5 thương hiệu nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam.

## SỨ MỆNH

- Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm nước giải khát chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- Mang lại lợi ích thiết thực cho Nhà nước, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
- Bảo vệ người tiêu dùng thông qua hệ thống công nghệ được kiểm soát chặt chẽ, chung tay vì cộng đồng, bảo đảm môi trường.





## MỤC TIÊU

- Xây dựng chiến lược phát triển tổng thể đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và các chiến lược con trên từng lĩnh vực làm định hướng phát triển lâu dài, bền vững cho Công ty.
- Tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty, nâng cao năng lực quản trị nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển của sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư mạnh cho công tác tiêu thụ và thị trường:
  - + Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hoàn thiện hệ thống kênh phân phối. Đổi mới công tác nhân sự quản lý kênh phân phối.
  - + Đổi mới công tác Marketing, gia tăng sự nhận biết thương hiệu, gia tăng lực kéo nhằm hỗ trợ lực đẩy.
  - + Tái định vị thương hiệu Saxis Chương Dương, giữ vững vai trò đứng đầu thị phần của sản phẩm Nước ngọt có gas hương Saxis. Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm Saxis Chương Dương trên thị trường Việt Nam.
- Nghiên cứu và cho ra đời sản phẩm mới không gas, nước trái cây dinh dưỡng.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dự án xây dựng nhà máy mới nhằm phát triển quy mô sản xuất, đổi mới cải tiến công nghệ theo hướng hiện đại.
- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư, liên kết khai thác các khu đất thuộc sở hữu sử dụng của Công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quy định làm khung pháp lý cho mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Đào tạo nguồn lực, trang bị kiến thức về pháp luật, kinh tế kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV để đáp ứng yêu cầu phát triển của SXKD sắp tới và phương hướng phát triển bền vững của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy tắc ứng xử, từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty đi vào nề nếp.



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Năm 2014, Công Ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ do Đại Hội Cổ Đông đã đề ra. Có được kết quả này là nhờ sự nỗ lực, quyết tâm của toàn thể CBCNV, sự ủng hộ của ban lãnh đạo TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, của Quý Cổ Đông, Đối tác và khách hàng. Những thành tựu đạt được chính là nền tảng, động lực cho Công ty trong năm 2015, một năm đầy thách thức khó khăn nhưng cũng nhiều cơ hội, hứa hẹn cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty. ”



NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS  
**Saxi**  
CHUONG DUONG

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS  
**DÂU**  
CHUONG DUONG  
Thể tích thực 1.25Lít

NƯỚC GIẢI KHÁT CÓ GAS  
**CAM**  
CHUONG DUONG  
Thể tích thực 330ml

Thị trấn Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chuong Duong  
Số 1 Trần Hưng Đạo, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: (84-8) 38367518 / 38368747 - Fax: (84-8) 38367518

## 02 THÔNG TIN CHUNG

---

- 04 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Mục tiêu
- 07 Thông điệp của chủ tịch HĐQT

## 10 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

---

- 11 Thông tin công ty
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 13 Tổng quan về công ty
- 13 Ngành nghề kinh doanh
- 14 Mục tiêu, chiến lược của công ty
- 16 Sơ đồ tổ chức nhân sự
- 18 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 20 Giới thiệu Ban Điều hành
- 21 Giới thiệu Ban Kiểm Soát
- 22 Danh mục sản phẩm Chương Dương
- 27 Vị thế và năng lực cạnh tranh
- 28 Hệ thống nhà phân phối
- 29 Danh hiệu đạt được

## 30 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

---

- 31 Báo cáo của Ban Giám Đốc
- 36 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 40 Kế hoạch kinh doanh năm 2015

## 41 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

---

- 42 Chính sách đào tạo, tiền lương, thu nhập và các phúc lợi khác
- 43 Quan hệ cổ đông

## 44 MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

---

- 44 An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng
- 46 Môi trường và bảo hộ lao động

## 48 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

- 50 Thông tin doanh nghiệp
- 51 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 52 Báo cáo kiểm toán
- 54 Bảng cân đối kế toán
- 57 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 58 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 59 Thuyết minh báo cáo tài chính





+5,44%

Sản lượng tiêu thụ đạt  
35.007.183 lít, vượt 5,44%  
so với kế hoạch 2014

TỔNG QUAN CÔNG TY



Sản phẩm của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương  
Số 10, Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam - ĐT: (84-8) 38367518 / 38368747 - Fax: (84-8) 38368747

## THÔNG TIN CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
Tên tiếng Anh	CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	CDBECO
Mã chứng khoán	SCD
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX)
Quyết định thành lập	Số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công Nghiệp
Giấy đăng ký Kinh doanh	Số 4103002362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 02/06/2004. Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 01/4/2014
Vốn điều lệ	85.000.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ đồng)
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	8.500.000 cổ phiếu
Khối lượng đang lưu hành	8.477.640 cổ phiếu (trong đó có 22.360 cổ phiếu quỹ)
Tổng số lao động tính đến 31/12/2014	380 nhân viên

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính	606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	(08) 3836.7518 – 3836.8747
Fax	(08) 3836.7176
Website	<a href="http://www.cdbeco.com.vn">www.cdbeco.com.vn</a>
Chi nhánh	<b>Bình Dương:</b> D-5B, 5D, 5F-CN, KCN Mỹ Phước 3, xã Hòa Lợi, Bến Cát – Bình Dương. <b>VITA:</b> 577 Hùng Vương, P. 12, Quận 6, TP. HCM <b>Gò Dầu:</b> 280 Gò Dầu, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. HCM



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## Năm 2014

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Năm 2014 sản lượng tiêu thụ tăng 5.44% so với kế hoạch 2014. 19 năm liền (1997-2015) được Người tiêu dùng tín nhiệm bình chọn danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do Báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.



## Năm 2013

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận so với thực hiện 2012 và kế hoạch 2013.



## Năm 2012

Dấu ấn kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



## Năm 2008

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương điều chỉnh hệ thống nhận diện thương hiệu đồng bộ, tạo điểm nhấn là đơn vị sản xuất Nước giải khát có quy mô lớn, uy tín, sản phẩm chất lượng. Đây là bước khởi đầu quan trọng cho chiến lược mở rộng thị trường và trở thành một trong những công ty sản xuất Nước giải khát uy tín tại Việt Nam.



## Năm 2006

Chính thức trở thành công ty đại chúng. Ngày 25/12/2006, cổ phiếu Công ty Cổ Phần Nước giải khát Chương Dương (mã chứng khoán SCD) chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE). Giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.



## Năm 2004

Nhà máy Nước giải khát Chương Dương chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Nước giải khát Chương Dương theo chủ trương cổ phần hóa các công ty quốc doanh do Nhà Nước quản lý.





## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

### Năm 1952

Tiền thân là nhà máy USINE BELGIQUE trực thuộc tập đoàn B.G.I (Pháp Quốc). Từ năm 1952 đến trước năm 1975, là nhà máy sản xuất Nước giải khát lớn nhất Miền Nam Việt Nam.

### Năm 1977 – 1993

Tháng 07/1977 tập đoàn B.G.I chính thức chuyển nhượng quyền sở hữu và bàn giao toàn bộ nhà máy cho Nhà nước Việt Nam với tên gọi là Nhà máy Nước ngọt Chương Dương. Từ năm 1993 chuyển đổi thành Công ty Nước giải khát Chương Dương, trực thuộc Bộ Công Nghiệp nhẹ.

### Năm 2003

Ngày 26/11/2003 được tổ chức TUV cấp chứng nhận ISO 9001: 2000.

Ngày 06/12/2003 được tổ chức Quacert cấp chứng nhận ISO 9001: 2000.

### Năm 2014

Ngày 09/7/2014 được tổ chức Quacert tái cấp chứng nhận ISO 9001: 2008.

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh các loại đồ uống.

Sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ liên quan đến lĩnh vực đồ uống.

Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

# MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CÔNG TY



Theo Hiệp hội Rượu bia và Nước giải khát Việt Nam, thị trường nước giải khát không cồn của Việt Nam trong 5-7 năm qua luôn tăng trưởng trên 20% đây là mức tăng trưởng cao của thế giới. Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, thị trường tăng trưởng có thấp hơn, nhưng Việt Nam vẫn là thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng với các nhà sản xuất nước giải khát.

Theo các chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành giải khát không cồn sẽ tiếp tục tăng và còn nhiều khoảng trống. Nhưng muốn đặt chân vào thị trường nước giải khát Việt Nam không dễ vì các nhà sản xuất lâu năm với tên tuổi lớn đã có thị trường và kênh phân phối rộng khắp, các hãng này cũng sẵn sàng mạnh tay chi cho việc quảng bá và giới thiệu sản phẩm. Do đó, những doanh nghiệp yếu thế về tài chính và kinh nghiệm trong sản xuất sẽ khó cạnh tranh để khởi đầu tại Việt Nam.



## CHIẾN LƯỢC KINH DOANH:

- Giữ vững thương hiệu Chương Dương thông qua việc cải tiến mẫu mã bao bì, chất lượng sản phẩm và tạo uy tín niềm tin đối với khách hàng qua cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng, ...
- Tăng trưởng sản lượng nước giải khát có gas bền vững. Phát triển thêm dòng sản phẩm không gas, sản phẩm dinh dưỡng phù hợp với thị trường và khu vực.
- Đầu tư xây dựng thị trường, gia tăng sự nhận biết thương hiệu Chương Dương.

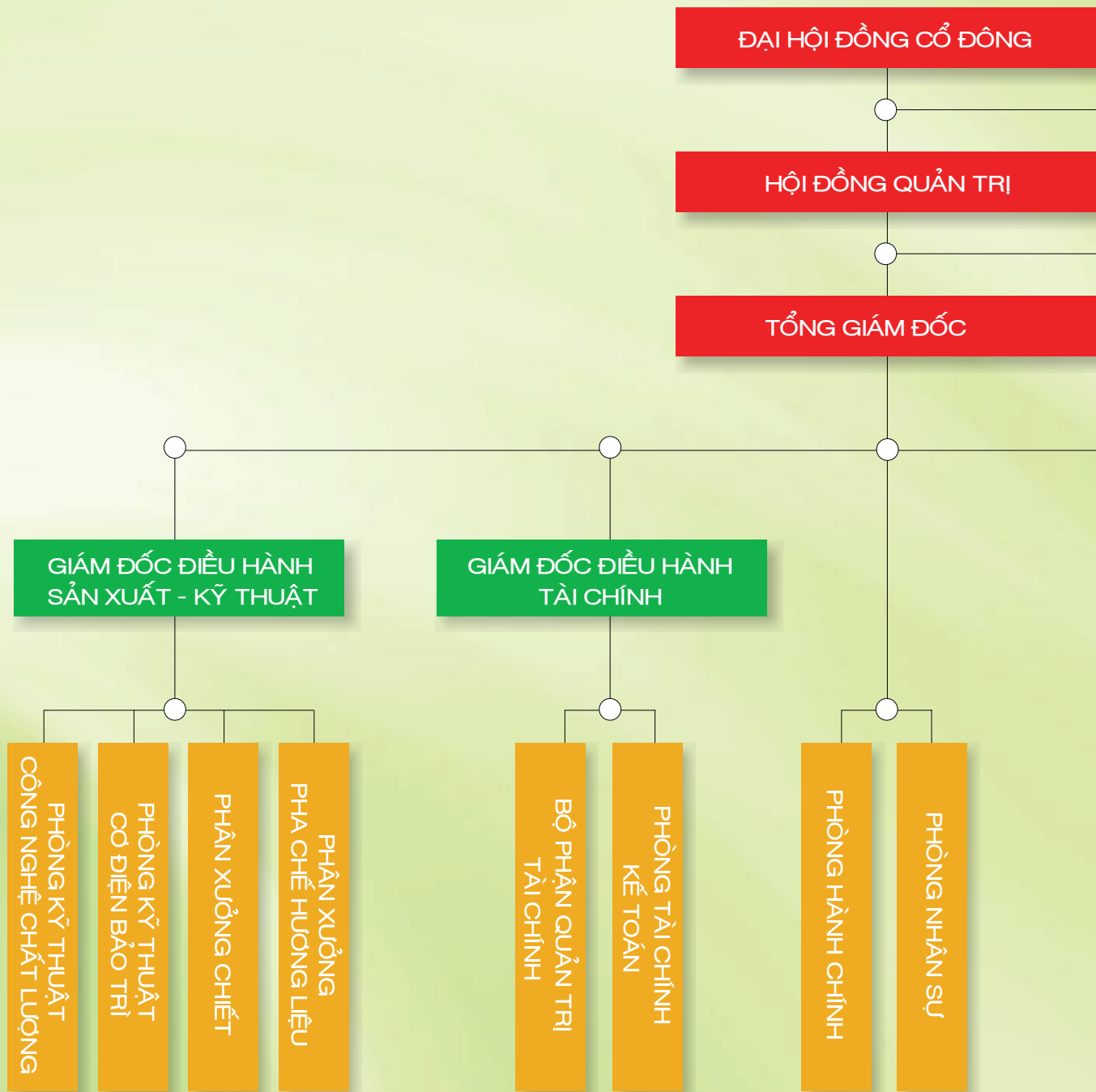
## MỤC TIÊU KINH DOANH:

- củng cố và phát triển hệ thống phân phối vững mạnh và ổn định.
- Mở mới hệ thống phân phối tại khu vực Miền Đông, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và các tỉnh thuộc khu vực Sông Hậu mỗi tỉnh có tối thiểu 1 nhà phân phối nhằm đảm bảo độ bao phủ và hiện diện của sản phẩm nước giải khát Chương Dương trên thị trường.
- Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp để ra hàng cho nhà phân phối. Thiết lập tuyến bán hàng cho nhân viên bán hàng.
- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng khu vực thị trường. Quản lý được giá bán trên thị trường thông qua chính sách bán hàng và đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng và quản lý hệ thống phân phối mạnh, ổn định, phát triển thương hiệu Chương Dương trong phạm vi cả nước.

## CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Xây dựng lại hệ thống phân phối tập trung từng khu vực, phân chia khu vực rõ ràng, không để bán lấn tuyến, lấn vùng. Đảm bảo khách hàng cam kết kinh doanh tất cả các sản phẩm của Chương Dương.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng mang tính chất chuyên nghiệp và nhiệt huyết với Chương Dương.
- Tập trung các chiến lược thị trường như: Tăng trưởng thị trường, phát triển thị trường và phát triển sản phẩm.
- Xây dựng chiến lược và chính sách linh hoạt theo thị trường để tránh đối đầu trực tiếp với các đối thủ mạnh.
- Xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng tại nhà phân phối nhằm chăm sóc triệt để hệ thống khách hàng, tạo độ phủ, tăng thị phần bằng cách thường xuyên thăm viếng khách hàng, đưa tất cả sản phẩm Chương Dương phủ vào các khu vực trống, còn yếu kém chưa mang tính chất toàn diện và sâu rộng tới các điểm bán nhỏ lẻ.
- Xây dựng giá bán và chính sách bán hàng ổn định nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng kinh doanh sản phẩm Chương Dương.
- Hoàn chỉnh và phát triển Kênh bán hàng hiện đại.
- Đối với thị trường khó và thị trường mới, cần có chính sách hỗ trợ để tạo độ phủ và hình ảnh.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
KINH DOANH

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
CUNG ỨNG - ĐẦU TƯ

PHÒNG HÀNH CHÍNH  
BÁN HÀNG

PHÒNG BÁN HÀNG

PHÒNG MARKETING

PHÒNG CUNG ỨNG

PHÒNG KHO VẬN

BỘ PHẬN ĐẦU TƯ



# GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông TRẦN ĐỨC HÒA**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 16/10/1959

Từ năm 1997 - 2003:  
Trưởng Phòng Tổ chức Công ty Bia Sài Gòn, Thường vụ Đảng ủy Công ty.

Từ năm 2003 - 2008:  
Chánh Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn. Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.

Từ năm 2008 - 2013:  
Giám đốc Điều hành Hành chính - Pháp chế Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn. Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty.

Từ tháng 5/2013 cho đến nay:  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương. Tháng 10/2013: Bí thư Đảng ủy Công ty.



**Ông BÙI NGỌC HẠNH**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 20/03/1959

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán

Trước năm 2006:  
Phó phòng Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.

Từ năm 2006 đến nay:  
Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn. Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Từ 15/06/2011 đến 30/10/2012:  
Chủ Tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



**Ông NGUYỄN THANH ĐỨC**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 15/10/1976

Tốt nghiệp Đại học Xã hội Nhân Văn Hà Nội.

Từ năm 2009 - 2011:  
Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Sài Gòn Á Châu.

Từ tháng 8/2011 đến 27/03/2014:  
Chuyên viên Thương hiệu thị trường Văn phòng Hội đồng Quản trị Tổng Cty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.

Từ ngày 26/4/2013 - đến nay:  
Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Từ ngày 28/03/2014 - đến nay:  
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



**Ông VÕ VĂN THỌ**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 16/08/1962

Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 2007 - 2013:

Phó Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.

Từ tháng 5/2013 - đến nay:

Ủy viên Hội đồng Quản trị; Giám đốc Điều hành Đầu tư - Cung ứng Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



**Ông LÊ TUẤN**  
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 18/12/1961

Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị các Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư mạo hiểm (VC Invest); Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy điện Nam Leng; Công ty Cổ phần ĐTPT Khu Đô thị biển Mũi Né - Marina.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Không gian ngầm.

# GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



## Ông NGUYỄN THANH ĐỨC Tổng Giám đốc

Năm sinh: 15/10/1976

Tốt nghiệp Đại học Xã hội Nhân Văn Hà Nội.

Từ năm 2009 - 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Sài Gòn Á Châu.

Từ tháng 8/2011 đến 27/03/2014: Chuyên viên Thương hiệu thị trường Văn phòng Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.

Từ ngày 26/4/2013 - đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Từ ngày 28/03/2014 - đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

## Ông VÕ VĂN THỌ GD Điều hành Đầu tư - Cung ứng

Năm sinh: 16/08/1962

Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987, chuyên ngành Kỹ sư Cơ khí.

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2003, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 2007 - 2013: Phó Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi.

Từ tháng 5/2013 - đến nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị; Giám đốc Điều hành Đầu tư - Cung ứng Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.



## Bà NGUYỄN THÚY PHƯƠNG GD Điều hành Tài chính

Năm sinh: 01/05/1976

Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán;

đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sau đại học, trường Đại Học Kinh tế TP. HCM.

Tháng 10/1997: Kế toán Nhà máy Rượu Bình Tây

Tháng 10/2006: Gia nhập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Tháng 10/2006: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

Tháng 01/2007: Quyền Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.

Tháng 12/2008: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán.

Từ tháng 4/2011 - đến nay: Giám đốc Tài chính.

## Ông HOÀNG QUANG DŨNG GD Điều hành Sản xuất - Kỹ thuật

Năm sinh: 02/01/1975

Kỹ sư Điện - Điện tử trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 05/2001: Gia nhập Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

Tháng 09/2002: Tổ trưởng Tổ sản xuất ca A máy IV thuộc Phân xưởng Chiết.

Tháng 06/2004: Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Cơ điện.

Tháng 11/2006: Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.

Tháng 02/2007: Trưởng Phòng Kỹ thuật Cơ điện Bảo trì.

Tháng 10/2011: Quyền Giám đốc Điều hành Sản xuất - Kỹ thuật.



# GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

## Ông DƯƠNG CHÍ HÙNG Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 13/09/1976  
Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán.  
Từ tháng 6/2006 - 06/2008: Chuyên viên Phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).  
Từ tháng 6/2008 - 09/2009: Chuyên viên Ban Tài chính thuộc Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO).  
Từ tháng 9/2009 - 12/2010: Chuyên viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị SABECO.  
Từ tháng 01/2011 - đến nay: Phó Trưởng Phòng - Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng quản trị SABECO.  
Từ năm 2008 - đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần NGK Chương Dương.



## Bà NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 20/01/1977  
Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.  
Năm 1999: Kế toán trưởng DNTN Công nghệ mới T&S;  
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Bảo hiểm Bảo Tín.  
Năm 2006 - đến nay: Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo hiểm; Chánh văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Không gian ngầm; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (từ năm 2011).

## Ông LÝ MINH HOÀNG Ủy viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 02/04/1987  
Tốt nghiệp Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. HCM -  
Chuyên ngành Tài chính - Kế toán  
Năm 2009: Gia nhập Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn, Phụ trách mảng Quản trị Tài chính Đầu tư - Ban Tài chính.  
Năm 2011: Hoàn thành cấp bậc 2, Chứng chỉ Tài chính Đầu tư Chuyên nghiệp CFA cấp bởi Hiệp hội CFA Hoa Kỳ.  
Từ tháng 10/2012: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn.  
Từ tháng 05/2013 - đến nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần NGK Chương Dương.



# SẢN PHẨM CHƯƠNG DƯƠNG



STT	Sản phẩm	Bao bì	Dung tích	Đóng Thành phẩm
1	Saxi	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai thủy tinh	230 ml	24 chai/két
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
2	Cam	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai Pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
3	Dâu	Chai pet	1,25 lít	12 chai/thùng
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
		Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
4	Chanh	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
5	Bạc hà	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
6	Cream Soda	Chai thủy tinh	240 ml	24 chai/két
		Chai pet	330 ml	24 chai/thùng
7	Soda Water	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
		Chai thủy tinh	270 ml	24 chai/két
8	Nha Đam	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
9	Mãng Cầu	Lon nhôm	330 ml	24 lon/thùng
10	Nước uống đóng chai	Chai pet	500 ml	24 chai/thùng
		Chai pet	350 ml	24 chai/thùng
		Bình	18,9 lít	



## SÁXỊ CHƯƠNG DƯƠNG

Sản phẩm truyền thống của Chương Dương và là sản phẩm mang hương vị độc đáo của Việt Nam, được khách hàng rất ưa chuộng. Sản phẩm có thành phần quý và hỗ trợ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, làm ấm cơ thể.

## CAM CHƯƠNG DƯƠNG

Là sản phẩm thân thuộc với người tiêu dùng với hương vị cam tươi mát, vị thơm ngon, giúp giải khát hiệu quả trong các hoạt động thường ngày.



## DÂU CHƯƠNG DƯƠNG

Là sản phẩm thân thuộc và phù hợp với phái nữ. Với hương vị dâu thơm ngon, sản phẩm không thể thiếu trong các buổi tiệc, họp mặt bạn bè.

## TRÀ ÔLONG CHƯƠNG DƯƠNG

Nước, đường, trà ôlong (3.0g),  
chất chống oxy hóa: acid ascorbic (L) (300),  
màu caramen tự nhiên (150a),  
hương trà tự nhiên và tổng hợp.



## BẠC HÀ CHƯƠNG DƯƠNG

Tinh chất bạc hà the mát đã tạo nên nét đặc trưng của sản phẩm. Xuất hiện khá lâu và gần như là duy nhất trên thị trường nước giải khát.

## CREAM SODA CHƯƠNG DƯƠNG

Với hương vị thơm ngon của kem tươi hòa quyện với soda, sản phẩm mang đến cảm giác mới lạ cho những ai lần đầu tiên thưởng thức.



## SODA CHƯƠNG DƯƠNG

Sản phẩm quen thuộc với vị đậm đà đặc trưng riêng, kết hợp chất gas CO<sub>2</sub> tinh khiết. Đặc biệt, dùng pha chế với chanh + đường, hoặc rượu để tạo nên những thức uống độc đáo theo khẩu vị riêng của mỗi người.



## NHA ĐAM CHƯƠNG DƯƠNG

Nha Đam Chương Dương được làm từ nha đam nguyên chất với từng miếng nha đam tươi, không dùng phẩm màu và chất bảo quản, không gas giúp bổ sung vitamin C. Sản phẩm thích hợp cho phái nữ.

## MĂNG CẦU CHƯƠNG DƯƠNG

Măng Cầu Chương Dương được sản xuất từ nước ép Măng Cầu giữ nguyên hương vị thơm ngon, không sử dụng phẩm màu và chất bảo quản, không gas, giúp hỗ trợ và nâng cao sức khỏe của người sử dụng.



## NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI TERRAWA CHƯƠNG DƯƠNG

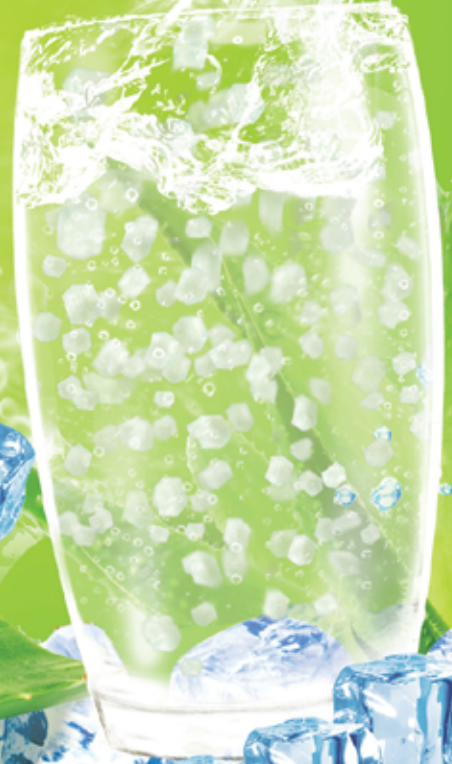
Được khai thác từ nguồn nước ngầm qua xử lý bằng màng thẩm thấu ngược và thanh trùng bằng Ozon, tia cực tím (UV), làm tăng thêm sự sáng khoái và tươi trẻ.





Sảng khoái  
cùng

*Thời gian*



# VỊ THẾ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

“Thương hiệu Chương Dương đã tồn tại từ năm 1952 cho đến nay, Chương Dương đã khẳng định được vị thế phát triển lâu đời và bền vững. Sản phẩm nước giải khát Chương Dương được nhiều người tiêu dùng rất ưa chuộng, tin tưởng để tin nhiệm và đánh giá cao về chất lượng.”



- Công ty đã chú trọng và gìn giữ thương hiệu Saxis Chương Dương, dòng sản phẩm Saxis đã ăn sâu vào tiềm thức người tiêu dùng Miền Nam - Việt Nam nên khó có sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại.
- Uy tín về chất lượng sản phẩm Saxis trên thị trường; tài chính rõ ràng, minh bạch và công khai; tuân thủ pháp luật...nên có thể mạnh trong việc thu hút sự quan tâm của khách hàng trong việc hợp tác kinh doanh.
- Hệ thống phân phối khá ổn định, tâm huyết có sự gắn bó lâu dài với Chương Dương.
- Chính sách bán hàng ổn định, các chương trình hỗ trợ bán hàng không thường xuyên phù hợp với từng thời điểm đảm bảo sự kích cầu thị trường và hoàn thành chỉ tiêu doanh số từng tháng.
- Kênh bán lẻ và kênh khách hàng trọng điểm chưa được khai thác tối đa, cơ hội xâm nhập còn rất lớn.
- Khu vực kinh doanh sản phẩm nước giải khát Chương Dương vẫn còn trống nên sẽ còn nhiều tiềm năng và cơ hội để khai thác thị trường tại một số khu vực: Bắc Trung Bộ, Miền Tây- Sông Hậu.

# HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI

Từ đầu năm 2014, Công ty đã tập trung vào việc xây dựng lại thị trường, củng cố và mở thêm nhiều đại lý/ nhà phân phối ở các tỉnh Miền Bắc, Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, ĐakNông, Đồng Nai, Long Khánh, Tây Ninh và Miền Tây Nam bộ, bước đầu đã gia tăng độ phủ, tạo sự ổn định và phát triển bền vững khắp các thị trường chung cả nước.

Củng cố hệ thống bán hàng các khu vực TP. Hồ Chí Minh, Miền Tây, Miền Đông và Nam Trung bộ, trong đó hệ thống phân phối khu vực TP Hồ Chí Minh là trọng điểm, chiếm tỷ trọng chính, khắc phục tình trạng mất cân đối trong hệ thống đại lý/ nhà phân phối giữa các vùng miền, từ đó đi vào ổn định và phát triển thị trường khắp cả nước.

Tập trung xây dựng lại chính sách bán hàng, đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu cho phù hợp với tình hình và điều kiện tài chính hạn chế của Công ty, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc ký hợp đồng đại lý/ nhà phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng kênh hiện đại, kênh bán lẻ, các hệ thống siêu thị, đưa sản phẩm Công ty vào các nhà hàng, khách sạn, các khu vực công cộng tạo lực kéo khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty.

Tăng cường tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân sự cho khối bán hàng ở các khu vực, đồng thời hỗ trợ nhân viên bán hàng cho nhà phân phối, tạo điều kiện tốt nhất để ra hàng và chăm sóc khách hàng.

Chọn lọc Nhà phân phối có đủ năng lực song song với việc tìm kiếm nhà phân phối /đại lý tiềm năng thay thế, tăng độ phủ.



# DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

**Năm 1996:** Huân chương Lao động hạng III và Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp

**Năm 1998:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công Nghiệp.

**Năm 1999:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công Nghiệp.

**Năm 2000:** Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Bộ Công Nghiệp.

**Năm 2001:** Bằng khen của Bộ Công Nghiệp và Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào Văn hóa – Thể thao của Công đoàn Bộ Công Nghiệp.

**Năm 2002:** Nhân dịp kỷ niệm 50 ngày thành lập Công ty 1952 - 2002, Công ty vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II.

**Năm 2004:** Giấy khen của Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vượt mức kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác trong 5 năm 2000 - 2004.

**Năm 2006:** Huân chương Lao động Hạng I của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 – 2006.

**Năm 2007:** Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho đơn vị có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2005-2007.

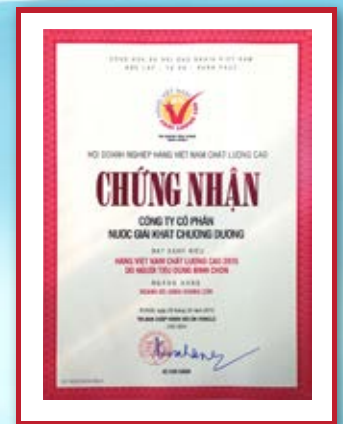
**Năm 2008:** Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2008.

**Năm 2010:** Bằng khen của Bộ Công Thương cho đơn vị điển hình tiên tiến xuất sắc 5 năm 2005-2009.

**Năm 2013:** Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013.

**Năm 2014:** Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2014.

**Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng cao trong suốt 19 năm liền (1997-2015).**





HƯƠNG VỊ  
TỪ

*Thiên Nhiên*



Tổng doanh thu thuần đạt

**421** Tỷ đồng

hoàn thành kế hoạch 101%  
so với kế hoạch năm 2014.

BÁO CÁO CỦA  
BAN LÃNH ĐẠO

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



SẢN LƯỢNG TIÊU THU

# 35

— TRIỆU LÍT —

## Tổng quan tình hình kinh tế, xã hội,... Việt Nam trong năm 2014:

Trung tâm Nghiên cứu thuộc Ngân hàng BIDV đã công bố đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2014; đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2014 và một số đề xuất, kiến nghị giải pháp cho năm 2015. Theo đó, Kinh tế Việt Nam năm 2014 đạt nhiều điểm sáng tích cực như sau:

Tăng trưởng GDP cao hơn năm 2013: Năm 2014 GDP ước tăng 5,98% so với năm 2013. Sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi, chỉ số IIP cả năm 2014 ước tăng 7,6%; cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2013.

Lạm phát 2014 thấp nhất trong vòng 10 năm: CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013, mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Mục tiêu kiềm chế lạm phát hoàn thành tốt hơn dự kiến nhờ sự phát huy tác dụng của các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và tài khóa từ đầu năm cũng như giá cả nhiên liệu thế giới (xăng, dầu) giảm mạnh trong nửa cuối năm 2014.

Cán cân thương mại thặng dư năm thứ ba liên tiếp: Kim ngạch xuất khẩu năm 2014 ước đạt 150 tỷ USD; tăng 13,6% so với 2013. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu năm 2014 ước đạt 148 tỷ USD; tăng 12,1% so với năm 2013, chủ yếu là tư liệu sản xuất, máy móc, phụ tùng nguyên vật liệu. Cán cân thương mại năm 2014 tiếp tục thặng dư 2 tỷ USD và là mức thặng dư cao nhất trong những năm qua.

FDI, kiều hối tăng vượt kế hoạch, cán cân thanh toán tiếp tục thặng dư: Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn FDI giải ngân năm 2014 ước

đạt 12,35 tỷ USD; tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2013. Trong khi đó, vốn đăng ký ước đạt 20,23 tỷ USD; giảm 6,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi ký kết năm 2014 ước đạt 5 tỷ USD; bằng 77% so với mức 6,5 tỷ USD năm 2013. Về kiều hối, lượng kiều hối vào Việt Nam 2014 ước đạt 12-13 tỷ USD; tăng 10% so với năm 2013 và là mức kỷ lục từ trước tới nay.

Thị trường tiền tệ ổn định, tăng trưởng tín dụng khả quan: Năm 2014, NHNN đã luôn bám sát diễn biến thị trường và can thiệp khi cần thiết, nhờ đó thị trường tiền tệ được vận hành ổn định, thông suốt, thanh khoản thị trường dồi dào với xu hướng lãi suất giảm dần theo thời gian. Mặt bằng lãi suất thấp đã góp phần giảm chi phí tài chính của doanh nghiệp.

Thị trường ngoại hối ổn định trong tầm kiểm soát: Thị trường ngoại hối và tỷ giá cơ bản ổn định, tỷ giá được điều hành trong giới hạn biên độ đã công bố từ đầu năm của NHNN. Tính đến cuối tháng 12/2014, NHNN mới thực hiện điều chỉnh nâng tỷ giá 1% từ mức 21.036 lên 21.246 VND/USD vào ngày 18/6/2014 để hỗ trợ xuất khẩu.

Thị trường vốn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực: Thị trường chứng khoán năm 2014 trải qua nhiều biến động, thậm chí có một số thời điểm hoảng loạn như hồi đầu tháng 5 do "sự kiện biển Đông". Nhưng nhìn chung, TTCK đã có 1 năm khởi sắc, chỉ số VN-Index vượt đỉnh 5 năm vào thời điểm cuối tháng 8/2014 và chứng kiến những phiên có thanh khoản lên tới 400 triệu đơn vị cổ phiếu, giá trị hơn 6.600 tỷ đồng trên cả 2 sàn.

Thị trường bất động sản tiếp tục có chuyển biến tích cực: Nhìn chung, thị trường BĐS đã có những diễn biến khá quan trọng khi giao dịch khá sôi động, đặc biệt ở các phân khúc nhà ở trung cấp và bình dân đã giúp các doanh nghiệp tiếp tục giải phóng được hàng tồn kho. Theo tổng hợp của Bộ Xây dựng, tính đến ngày 20/11/2014, tổng giá trị tồn kho BĐS còn khoảng 77.811 tỷ đồng; giảm 50.737 tỷ đồng (tương đương giảm 39,47%) so với quý I /2013 và giảm 16.647 tỷ đồng (giảm 17,62%) so với cuối 2013.

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Chương Dương năm 2014:

Như nhiều doanh nghiệp khác đóng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Chương Dương cũng gặp khó khăn về công tác quản trị, công tác thị trường và kỹ thuật công nghệ. Trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế về nhiều mặt nhưng công ty đã rất quyết tâm, nỗ lực cao để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 mà Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt. Kết quả thực hiện năm 2014:

Sản lượng tiêu thụ năm 2014 đạt 35.007.183 lít, vượt 5.44% kế hoạch năm 2014 và tăng 1.78% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

Tổng doanh thu năm 2014 đạt 421 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm 2014 và bằng 98% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 28 tỷ đồng vượt 50% kế hoạch năm 2014 và bằng 74% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013.

Nộp ngân sách nhà nước năm 2014 đạt 38 tỷ đồng vượt 23% kế hoạch năm 2014 và bằng 88% thực hiện năm 2013.

DOANH THU BÁN HÀNG HOÁ  
VÀ DỊCH VỤ THUẦN  
**405**  
TỶ ĐỒNG

## Bảng biểu các chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

Các chỉ tiêu	KH 2014	TH 2014 (9-3-2015)	TH 2013	So sánh (%) TH/KH	SS (%14/13)
Sản lượng tiêu thụ (lít)	33,200,000	35,007,183	34,394,947	5.44%	1.78%
Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	401,325,881,940	426,247,881,468	418,983,869,655	6.21%	1.73%
Giảm giá, chiết khấu hàng bán	0	21,479,240,707	7,085,837,509		203.13%
Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ thuần	401,325,881,940	404,768,640,761	411,898,032,146	0.86%	-1.73%
Giá vốn hàng bán	281,681,169,857	290,499,598,295	298,168,198,831	3.13%	-2.57%
Lãi gộp	119,644,712,083	114,269,042,466	113,729,833,315	-4.49%	0.47%
Doanh thu tài chính	13,525,000,000	11,840,820,481	13,071,886,924	-12.45%	-9.42%
Chi phí tài chính	0	366,026,436	47,765,390		666.30%
Chi phí bán hàng	76,805,440,588	66,922,394,054	49,669,319,394	-12.87%	34.74%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39,536,930,682	34,763,861,876	37,267,394,659	-12.07%	-6.72%
Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	3,302,340,813	12,582,786,536	26,793,119,262	281.03%	-53.04%
Thu nhập khác	2,000,000,000	4,042,220,829	4,400,532,347	102.11%	-8.14%
Chi phí khác	0	35,430,576	(6,390,520,964)		-100.55%
Tổng lợi nhuận trước thuế	18,827,340,813	28,064,370,834	37,827,252,179	49.06%	-25.81%
Chi phí thuế hiện hành 22%	4,142,014,979	5,845,286,559	11,607,090,540	41.12%	-49.64%
Lợi nhuận sau thuế	14,685,325,834	22,219,084,275	26,220,161,639	51.30%	-15.26%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,732	2,621	3,093	51.30%	-15.26%

## Phân tích các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 so với kế hoạch năm 2014 và thực hiện cùng kỳ năm 2013:



### “TỔNG DOANH THU NĂM 2014 ĐẠT 421 TỶ ĐỒNG ĐẠT BẰNG 101% KẾ HOẠCH NĂM 2014 VÀ BẰNG 98% SO VỚI THỰC HIỆN CÙNG KỶ NĂM 2013.”

Sản lượng tiêu thụ năm 2014 đạt 35.007.183 lít, vượt 5,44% kế hoạch năm 2014 và tăng 1,78% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Sản lượng tiêu thụ vượt chủ yếu do mở rộng thị trường khu vực các tỉnh. Cơ cấu sản phẩm lon tăng vượt 8% so với KH 2014 và tăng 2,4% so với thực hiện năm 2013; sản phẩm chai thủy tinh tăng 10% so với KH 2014 và giảm 10% so với thực hiện năm 2013; sản phẩm chai PET chỉ thực hiện đạt 70% so với kế hoạch năm 2014 tuy có vượt 29% so với thực hiện năm 2013.

Tổng doanh thu năm 2014 (doanh thu thuần bán hàng hóa, doanh thu tài chính và thu nhập khác) đạt 421 tỷ đồng đạt bằng 101% kế hoạch năm 2014 và bằng 98% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân chưa đạt bằng với thực hiện năm 2013 là do năm 2014 khoảng giảm trừ chiết khấu trên hóa đơn tăng cao hơn cùng kỳ năm 2013. Trong đó, doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ thuần đạt 421 tỷ đồng đạt bằng 101% so với KH 2014, bằng 98% so với thực hiện năm 2013. Doanh thu tài chính đạt 12 tỷ đồng đạt bằng 87% kế hoạch năm 2014 và bằng 91% thực hiện năm 2013 mặc dù năm 2014 lãi suất tiền gửi các kỳ hạn đều sụt giảm nhiều so với năm 2013

nhưng do có dự báo trước, nên vào quý III/2013 đã chốt lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ trên 12 tháng với mức cao gần 13%/năm nên thu nhập từ lãi tiền gửi trong năm 2014 vẫn duy trì bằng năm 2013 và kế hoạch năm 2014 dù số tiền gửi có bớt đi do nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2014 cao hơn. Thu nhập khác đạt 4 tỷ đồng bằng 92% so với năm 2013 do năm 2014 chưa tổ chức thanh lý tài sản định kỳ mỗi năm và đạt 102% kế hoạch năm 2014 do điều chỉnh thu nhập hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 28 tỷ đồng vượt 49% kế hoạch năm 2014 và bằng 74% so với thực hiện cùng kỳ năm 2013. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch năm 2014 là do tăng sản lượng tiêu thụ 5,4%, giá cả nguyên liệu mua vào giảm hơn giá kế hoạch năm 2014, ghi nhận lại khoản tiền hoàn thuế TNDN đã trích trước chi phí trong niên độ 2013; lợi nhuận trước thuế năm 2014 không bằng thực hiện so với thực hiện năm 2013 là do tỷ lệ tăng của sản lượng và doanh thu bán hàng không cao hơn tỷ lệ tăng của tổng chi phí (tổng chi phí tăng nhiều hơn sự gia tăng tổng doanh thu trong năm 2014 và tăng so với năm 2013).



TỔNG DOANH THU THUẦN

421

TỶ ĐỒNG



Tổng hợp các chỉ tiêu đã thực hiện trong năm 2014:

	KH 2014	TH 2014	TH 2013	So sánh (%) TH/KH	So sánh (%14/13)
Tổng Doanh thu	416,850,881,940	420,651,682,071	429,370,451,417	0.91%	-2.03%
Tổng chi phí	398,023,541,127	392,587,311,237	391,543,199,238	-1.37%	0.27%
Lợi nhuận trước thuế	18,827,340,813	28,064,370,834	37,827,252,179	49,06%	-25,81%
Nộp ngân sách nhà nước	31,074,352,783	38,355,344,791	43,564,216,588	23.43%	-11.96%

THU NHẬP BÌNH QUÂN  
ĐẦU NGƯỜI

10

— TRIỆU ĐỒNG/THÁNG —

Về thu nhập của người lao động năm 2014:

	KH 31.12.14	TH 31/12/2014	TH 31/12/2013	So sánh (%) TH/KH	So sánh (%14/13)
Quỹ tiền lương (đồng/năm)	40,487,707,586	42,691,360,826	41,538,087,436	5.44%	2.78%
Tổng thu nhập (đồng/năm)	45,383,190,169	46,058,337,864	46,176,411,566	3.53%	1.75%
Người lao động BQ (người)	388	380	370	-2.06%	2.70%
Tiền lương BQ (đồng/năm/người)	8,695,813	9,362,141	9,615,171	4.75%	-5.26%
Thu nhập BQ (đồng/năm/người)	9,747,249	10,100,513	10,400,093	5.71%	-0.93%



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT  
**CHƯƠNG DƯƠNG**  
ĐƯỜNG VĨNH KIỆT - CẦU KHO, Q. - TP HCM  
ĐT: 08 - 38367518



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ BAN HÀNH

Trong năm 2014 Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã tiến hành họp 06 lần, và 18 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị và đã ban hành tổng cộng 24 Nghị quyết (trong đó có 01 Nghị quyết Đại hội) để chỉ đạo các hoạt động của Công ty về nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thống kê các Nghị quyết ban hành trong năm 2014 của Hội đồng Quản trị và các nội dung chính.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01	Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT	04/01/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>· Đầu tư két, vỏ chai 230 ml và chai 270 ml</li></ul>
02	Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT	07/01/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>· Chủ trương hủy chai, két rượu nhẹ</li><li>· Ban hành Quy định về chính sách bán hàng năm 2014</li></ul>
03	Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT	14/01/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>· Điều chỉnh Quy định trả lương khoán cho cán bộ, nhân viên bán hàng.</li></ul>
04	Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT	20/01/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>· Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.</li><li>· Tờ trình số 08/TTr-CT HDQT ngày 08/01/2014 về các dự án đầu tư và một số nội dung về công tác Đại hội.<ul style="list-style-type: none"><li>- Thanh lý hợp đồng dịch vụ tư vấn Foodtech</li><li>- Thanh lý hợp đồng nguyên tắc với Công ty Hiệp Phúc.</li><li>- Dự án di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Mỹ Phước III.</li><li>- Hợp đồng thuê đất tại 606 Võ Văn Kiệt, Quận 1.</li><li>- Dự án xử lý nước thải.</li><li>- Dự án tại số 577 Hùng Vương, Quận 6.</li><li>- Dự án văn phòng làm việc và trưng bày sản phẩm tại số 280 Gò Dầu.</li><li>- Khu đất số 101, đường 19 Hiệp Bình Chánh – Thủ Đức.</li></ul></li><li>· Các vấn đề khác:<ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết toán dự án đầu tư máy chiết pet 2.000 chai/h</li><li>- Thống qua chương trình Đại hội 2014.</li><li>- Đề xuất tiền thù lao cho HĐQT và BKS năm 2014.</li><li>- Phê duyệt nội dung về tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của Công ty trong năm 2014.</li><li>- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.</li><li>- Ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.</li><li>- Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014.</li></ul></li></ul>
05	Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT	14/03/2014	<ul style="list-style-type: none"><li>· Báo cáo triển khai nội dung Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT theo Thông báo số 03/TB-TGD về công tác đầu tư.</li><li>· Thông báo số 33/TB-HĐQT ngày 11/03/2014 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc đồng ý cho Ông Hoàng Chí Thành - Tổng Giám đốc nghỉ việc theo nguyện vọng.</li></ul>

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua nội dung Chương trình Đại hội 2014.</li> <li>Báo cáo kết quả SXKD năm 2013.</li> <li>Báo cáo của HĐQT năm 2013 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.</li> <li>Báo cáo công tác đầu tư và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2014.</li> <li>Báo cáo hoạt động của BKS.</li> <li>Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013.</li> <li>Tờ trình phê chuẩn kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.</li> <li>Tờ trình chọn công ty kiểm toán cho năm 2014.</li> <li>Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2013 và đề xuất thù lao cho năm 2014.</li> <li>Tờ trình bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT.</li> <li>Thông qua nội dung Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.</li> <li>Thông qua nội dung Quy chế tổ chức Đại hội.</li> <li>Thông qua nghị quyết Đại hội.</li> </ul>
06	Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT	19/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều chỉnh Quy định về định mức chi phí quản lý, chi tiêu nội bộ và công tác phí.</li> <li>Bổ sung định mức năm 2014.</li> </ul>
07	Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT	28/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>Về việc thôi chức vụ UV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đối với Ông Hoàng Chí Thành. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Đức – UV HĐQT làm Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật).</li> <li>Xem xét đơn xin nghỉ việc của Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt – GĐĐH Kinh doanh.</li> </ul>
08	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	29/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2013.</li> <li>Thông qua báo cáo hoạt động HĐQT năm 2013 và các chỉ tiêu kế hoạch Năm 2014.</li> <li>Phân phối lợi nhuận năm 2014</li> <li>Công tác đầu tư và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2014.</li> <li>Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2013 và phương hướng năm 2014.</li> <li>Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013.</li> <li>Thông qua Tờ trình phê chuẩn kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2013.</li> <li>Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập niên độ năm 2014.</li> <li>Thông qua báo cáo thù lao của HĐQT &amp; BKS năm 2013 và đề xuất thù lao cho HĐQT &amp; BKS năm 2014.</li> <li>Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT.</li> <li>Thông qua Nghị quyết Đại hội.</li> </ul>
09	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	16/4/2014	1. Chọn lựa Công ty Kiểm toán độc lập niên độ năm 2014.
10	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	19/4/2014	1. Chủ trương di dời Nhà máy Nước ngọt Chương Dương và việc chuyển nhượng 80.000 m <sup>2</sup> đất tại Mỹ Phước III, Bình Dương.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
11	Nghị quyết số 04/NQ-HDQT	05/5/2014	1. Về việc Tổng Giám đốc kiêm nhiệm GĐĐH Kinh doanh.
12	Nghị quyết số 05/NQ-HDQT	12/5/2014	1. Về việc điều chỉnh, bổ sung cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
13	Nghị quyết số 06/NQ-HDQT	11/6/2014	1. Về việc chi cổ tức bổ sung năm 2013 (6%).
14	Nghị quyết số 07/NQ-HDQT	14/7/2014	1. Ký phụ lục hợp đồng tăng giá cước vận chuyển
15	Nghị quyết số 08/NQ-HDQT	12/9/2014	1. Ban hành Quy chế phối hợp làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
16	Nghị quyết số 09/NQ-HDQT	29/9/2014	1. Bổ nhiệm có thời hạn (03 năm) chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Thanh Đức. 2. Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kỹ thuật Công nghệ Chất lượng, bổ nhiệm Trưởng Phòng Bán hàng, Trưởng Phòng Kho vận. 3. Phê duyệt gói thầu "Mua sắm lắp đặt máy quán Block tự động" tại số 606 Võ Văn Kiệt. 4. Tờ trình số 13/Ttr-TGD ngày 23/9/2014 của Tổng Giám đốc về việc đề xuất phương án xử lý tài sản bị mất chưa thu hồi hết.
17	Nghị quyết số 10/NQ-HDQT	11/11/2014	1. Ban hành Quy chế Thi đua Khen thưởng.
18	Nghị quyết số 11/NQ-HDQT	11/11/2014	1. Thành lập Chi nhánh Gò Dầu Công ty Cổ phần NGK Chương Dương, cử Ông Võ Văn Thọ là Người đứng đầu Chi nhánh Gò Dầu.
19	Nghị quyết số 12/NQ-HDQT	24/12/2014	1. Về việc xóa nợ vỡ chai kết đối với khách hàng ngưng kinh doanh thuộc Chi nhánh Nha Trang.
20	Nghị quyết số 01/NQ-HDQT	13/02/2015	Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật năm 2015.
21	Nghị quyết số 02/NQ-HDQT	11/03/2015	Về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và chi trả cổ tức năm 2014.
22	Nghị quyết số 03/NQ-HDQT	16/03/2015	Về đơn giá tiền lương năm 2014.
23	Nghị quyết số 04/NQ-HDQT	31/03/2015	Về việc ban hành chính sách bán hàng năm 2015.
23	Nghị quyết số 05/NQ-HDQT	14/04/2015	1/ Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT 2014 + Thông qua kết quả SXKD năm 2014. + Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015. + Thông qua chủ trương các dự án đầu tư: Chủ trương di dời, xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc, Củ Chi Chủ trương về dự án khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt, Q1. Chủ trương về dự án khu đất 577 Hùng Vương, Q6. Chủ trương về dự án khu đất 101 Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức. Chủ trương về dự án khu đất 280 Gò Dầu, Q. Tân Phú. + Thông qua định hướng hoạt động 2015 của HĐQT. 2/ Thông qua các Tờ trình của HĐQT tại ĐHCĐ 2015. + Tờ trình phê chuẩn kết quả kinh doanh và BCTC được kiểm toán. + Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 2014. + Tờ trình đề xuất Công ty kiểm toán, BCTC năm 2015. + Báo cáo quyết toán thù lao của HĐQT & BKS năm 2014 và đề xuất thù lao năm 2015.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**22,21**

TỶ ĐỒNG



**SODA**  
water  
**CHUONG DUONG**



CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY  
Hanoi - Vietnam - Tel: (84-8) 38367518 / 38368747 - Fax: (84-8) 38367519  
**Content 330ml**

# KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

TRÊN CƠ SỞ KẾ HOẠCH 5 NĂM ĐÃ TRÌNH THÔNG QUA HĐQT SABECO VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013 NGÀY 26/4/2013 (NHIỆM KỲ 2013-2017) CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN:

CÁC CHỈ TIÊU	KH 2013	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017
Sản lượng tiêu thụ (lít)	32,002,561	33,602,689	35,282,824	37,752,621	40,395,305
Tổng doanh thu	386,737,771,971	425,411,549,168	480,715,050,560	548,015,157,638	635,679,582,860
Tổng chi phí	370,008,428,805	411,191,607,477	466,495,108,869	533,795,215,947	621,477,641,169
Lợi nhuận trước thuế	16,729,343,166	14,219,941,691	14,219,941,691	14,219,941,691	14,219,941,691
Tỷ lệ cổ tức (%)	9	8	8	8	8

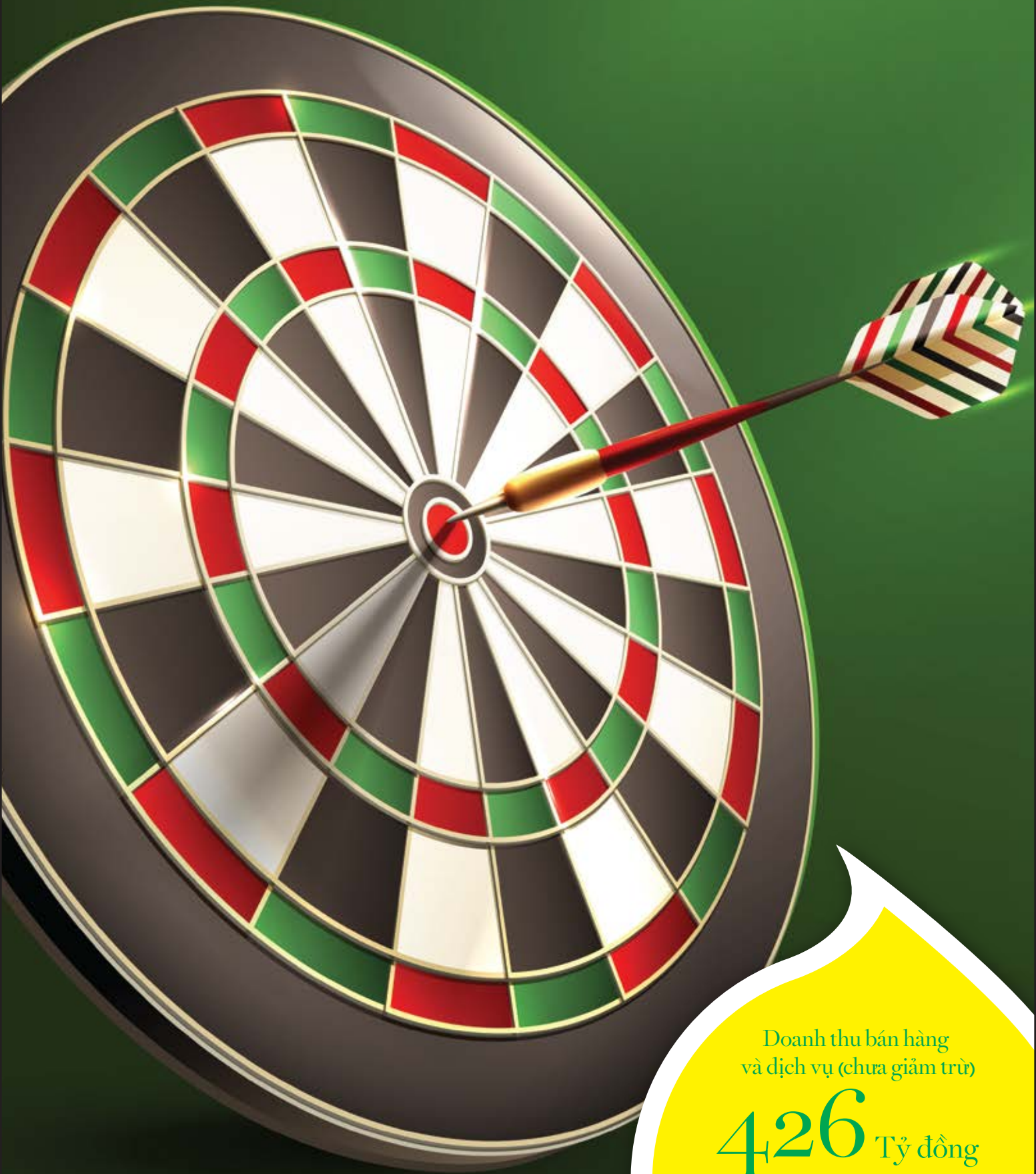
QUA THỰC HIỆN NĂM 2014 VỚI CÁC KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHƯ TRÌNH BÀY TRÊN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014 ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU:

CHỈ TIÊU	KH 2015	KH 2014	TH 2014 (9-3-2015)	So sánh (%) KH 15/TH N. 2014
Sản lượng tiêu thụ (lít)	35,006,550	33,200,000	35,007,183	100.00%
Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	442,298,341,970	401,325,881,940	426,247,881,468	103.77%
Giảm giá, chiết khấu hàng bán	0	0	21,479,240,707	0.00%
Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ thuần	442,298,341,970	401,325,881,940	404,768,640,761	109.27%
Tổng lợi nhuận trước thuế	19,072,617,473	18,827,340,813	28,064,370,834	67.96%
Chi phí thuế hiện hành 22%	4,195,975,844	4,142,014,979	5,845,286,559	71.78%
Lợi nhuận sau thuế	14,876,641,629	14,685,325,834	22,219,084,275	66.95%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,755	1,732	2,621	66.95%
Tỷ lệ cổ tức	9%	8%	16%	50%

## TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2015

CHỈ TIÊU	KH 2015	KH 2014	TH 2014	So sánh (%) KH 15/TH N. 2014
Tổng Doanh thu	454,726,258,637	416,850,881,940	420,651,682,071	108.10%
Tổng chi phí	435,653,923,641	398,023,541,127	392,587,311,237	110.97%
Lợi nhuận trước thuế	19,072,334,996	18,827,340,813	28,064,370,834	67.96%
Nộp ngân sách nhà nước	36,937,022,669	31,074,352,783	38,355,344,791	96.30%
Tỷ lệ cổ tức	9%	8%	16%	56.25%

# QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Doanh thu bán hàng  
và dịch vụ (chưa giảm trừ)

**4,26** Tỷ đồng

vượt 6.21% so với kế hoạch năm 2014



# CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO TIỀN LƯƠNG THU NHẬP VÀ CÁC PHÚC LỢI KHÁC

## Chính sách đào tạo:

### Chính sách tiền lương, thu nhập:

Trả lương theo vị trí công việc, năm 2015 tiếp tục bổ sung thưởng quý đối với CB.CNV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đào tạo nghiệp vụ an toàn, vệ sinh thực phẩm, vận hành thiết bị nghiêm ngặt về ATLD cho 100% CB.CNV có liên quan; đào tạo văn hóa doanh nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm kết hợp với các hoạt động đội nhóm. Năm 2015, công tác đào tạo tiếp tục được chú trọng và duy trì đặc biệt các khóa kỹ năng mềm dành cho cán bộ quản lý, nhân viên nghiệp vụ và đội ngũ bán hàng.



### Chế độ phúc lợi khác:

Khen thưởng nhân dịp các sự kiện: Ngày lễ, Tết, hoàn thành kế hoạch SXKD; chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CB.CNV thông qua chính sách BHYT toàn diện và tai nạn nhóm.



## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương vào ngày đăng ký cuối cùng 25/3/2015 (chốt danh sách tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2015 và nhận cổ tức năm 2014 đợt 1 vào ngày 22/4/2015) như sau:

- Sở hữu cổ phần của các tổ chức và cá nhân trong nước nắm giữ 85.10% tổng cổ phần, tương ứng 7.233.580 cổ phiếu. Trong đó tổ chức là cổ đông lớn nhất: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO) đang nắm giữ 5.261.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 61.90% lượng cổ phần sở hữu và một tổ chức là cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư mạo hiểm đang nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12.94% lượng cổ phần sở hữu. Các tổ chức và cá nhân khác sở hữu dưới 1% cổ phần.
- Sở hữu cổ phần của các tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ 14.90% tổng cổ phần, tương ứng 1.266.420 cổ phiếu. Trong đó có một tổ chức là Quỹ đầu tư của Phần Lan – Erikoissijoitus Ahasto Ellite sở hữu 7.41% lượng cổ phần, tương ứng 629.770 cổ phần. Các tổ chức và cá nhân nước ngoài khác sở hữu dưới 1% tỷ lệ cổ phần.

Ông Trần Đức Hòa - Chủ tịch HĐQT, Ông Võ Văn Thọ - Ủy viên HĐQT và Ông Nguyễn Thanh Đức - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc đại diện cho vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO) tại Chương Dương; số lượng cổ phiếu nắm giữ 5.261.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 61.90% tổng số lượng cổ phần niêm yết.

Ông Lê Tuấn - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương, Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư mạo hiểm sở hữu 1.100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12.94% tổng số lượng cổ phần niêm yết.

Các thành viên khác trong Ban Kiểm Soát - Ban Điều hành - Kế toán trưởng Công ty không nắm giữ cổ phần của Công ty cổ phần nước giải khát Chương Dương.

# AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội là những tiêu chí quan trọng của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì thế Chương Dương đề cao việc quản lý cũng như thực hiện hiệu quả trong các hoạt động an toàn, sức khỏe, môi trường và chất lượng là ưu tiên hàng đầu, đã đi vào trong văn hóa, đoàn thể của Công ty. Theo yêu cầu của xã hội và sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, Công ty đặt ra các qui định, tiêu chuẩn, qui trình, hướng dẫn để đảm bảo mọi hành động được thực hiện đúng với quy định pháp luật, đúng yêu cầu Công ty và tạo ra khuôn khổ chung hướng dẫn hành động cho toàn bộ CB-CNV khi làm việc.

Các hoạt động cụ thể về an toàn, sức khỏe, môi trường, chất lượng và các hoạt động hướng đến cộng đồng:



## Về công tác an toàn

Công ty thực hiện việc kiểm soát, duy trì các công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhằm ngăn ngừa các yếu tố gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản của Công ty, tổn thất trong sản xuất.



## Về Sức khỏe của người lao động

Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe và các hành động ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp. Chăm lo đời sống cho CB-CNV trong công ty: thực hiện quy chế lương mới 2014.



## Đối với môi trường xung quanh và môi trường làm việc

Thực hiện kiểm soát, ngăn ngừa các yếu tố tác động đến môi trường, đảm bảo khu vực sản xuất - kho bãi an toàn vệ sinh, giảm sử dụng nguồn nguyên liệu từ hóa thạch nhằm bảo vệ môi trường cụ thể như: chuyển đổi không sử dụng dầu DO để sản xuất CO<sub>2</sub> qua mua CO<sub>2</sub> bên ngoài từ nguồn tận thu CO<sub>2</sub> trong quá trình vi sinh vật lên men sản xuất bia, rượu, cồn...cũng như hạn chế dùng dầu FO để đốt lò sinh hơi quá nhiệt bằng việc mua hơi từ đơn vị bên ngoài đi từ giải pháp đốt lò bằng phụ liệu từ ngành chế biến gỗ.



## Chất lượng sản phẩm

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh nước giải khát.

- Kiểm soát 100% nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguyên liệu vật phù hợp với quy định nhà nước về an toàn thực phẩm.
- Kiểm soát 100% sản phẩm ra thị trường đạt chất lượng như công bố tại Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM thuộc Sở Y tế Tp.HCM.
- Kiểm tra, kiểm soát, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.



## Về trách nhiệm đối với người tiêu dùng

Công ty luôn sử dụng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; qui trình sản xuất, trang thiết bị nhà xưởng, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.



## Về hoạt động xã hội

- Tổ chức vận động quyên góp ủng hộ cán bộ chiến sĩ đang trực tiếp bảo vệ biên giới hải đảo quốc gia trên 50 triệu đồng và trực tiếp trao tặng 1.300 thùng nước giải khát Chương Dương cho các chiến sĩ bảo vệ biển đảo.
- Trao tặng 1.400 phần quà cho công nhân lao động nghèo tại TP. HCM.
- Tài trợ cho các chương trình Tiếp sức mùa thi; Chiến dịch mùa hè xanh; chương trình Kỳ nghỉ Hồng; tặng quà cho Hội người mù tại tỉnh Phú Yên, Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam...
- Tham gia Hội thao giao lưu với các đơn vị trong Tổng Công ty và các chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên...



# MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

**Nguồn phát sinh nước thải:** Bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và nước mưa. Hiện tại Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải.

**Nguồn phát sinh khí thải:** Phát sinh từ các phương tiện xe tải, xe nâng và lò hơi. Tuy nhiên Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý khí thải cho lò hơi, còn các phương tiện hoạt động không nhiều và không tập trung vào cùng thời điểm và lại là nguồn di động nên ảnh hưởng nguồn này là không đáng kể. Hiện tại Công ty áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm khí thải như: Thường xuyên quét dọn, lau chùi sạch sẽ, tăng cường thông thoáng nhà xưởng bằng gió tự nhiên, xây dựng bãi đậu xe và nội quy dành cho các loại xe giao thông ra vào công ty. Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ để giảm thiểu bụi, tăng cường diện tích cây xanh trong Công ty...

**Nguồn phát sinh nhiệt:** Chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành các máy móc trang thiết bị, nhiệt độ làm việc phát sinh trong phạm vi nhà xưởng chủ yếu từ nhiệt thừa

phát sinh từ máy móc thiết bị, nhiệt thừa từ quá trình hàn, cắt và nhiệt thừa phát bức xạ nhiệt mặt trời xuyên qua mái tôn. Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng các yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và tạo điều kiện để người lao động làm việc tốt hơn như: cải tạo nhà xưởng, sử dụng vật liệu chống nóng, cải tạo môi trường làm việc trong nhà xưởng, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết, trang bị thêm quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió...

**Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ quá trình hoạt động của các máy trong sản xuất và các hoạt động giao thông vận tải khác tại Công ty. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được áp dụng tại Công ty như: trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, bố trí máy móc trong dây chuyền hợp lý để tránh hiện tượng cộng hưởng tiếng ồn, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.





#### **Nguồn phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

Chất thải rắn của Công ty được thu gom, lưu trữ và xử lý theo đúng Nghị định 29/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: gồm nhóm giấy, bao bì, gỗ, sắt phế liệu... Công ty bán lại cho các đơn vị có nhu cầu mua phế liệu về tái chế.

Chất thải nguy hại: Bao gồm giẻ lau, bao bì, bao tay bị nhiễm thành phần chất thải nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực, dầu nhớt... Công ty thực hiện lưu trữ đúng quy định và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

**Nguy cơ cháy nổ:** Một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ tại nhà máy như: tàng trữ các loại hóa chất, dung môi, nhiên liệu không đúng quy định, tồn trữ các loại rác, bụi và các chất thải rắn có nguồn gốc từ cellulose trong khu vực sản xuất, đặc biệt là khu vực có tia lửa, sự cố về các thiết bị điện, phát sinh nhiệt dẫn đến cháy, tàng trữ và vận chuyển thành phẩm không đúng cách.

#### **Biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại Công ty:**

Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC và lập phương án PCCC, thiết lập hệ thống báo cháy và bố trí thiết bị cứu hỏa trong toàn bộ Công ty như: bình cứu hỏa cầm tay, hệ thống máy bơm và bể chứa nước, kết hợp với lực lượng PCCC địa phương và lực lượng được tập huấn tại Công ty, giáo dục ý thức về PCCC và trang bị kỹ năng cho toàn CB-CNV thông qua các đợt tập huấn, tuyên truyền...

**Nguy cơ tai nạn lao động:** Các nguyên nhân gây tai nạn lao động tại nhà máy: người lao động không tuân thủ nghiêm ngặt nội quy về an toàn lao động; sự bất cẩn về điện trong lúc vận hành máy móc thiết bị cơ khí.

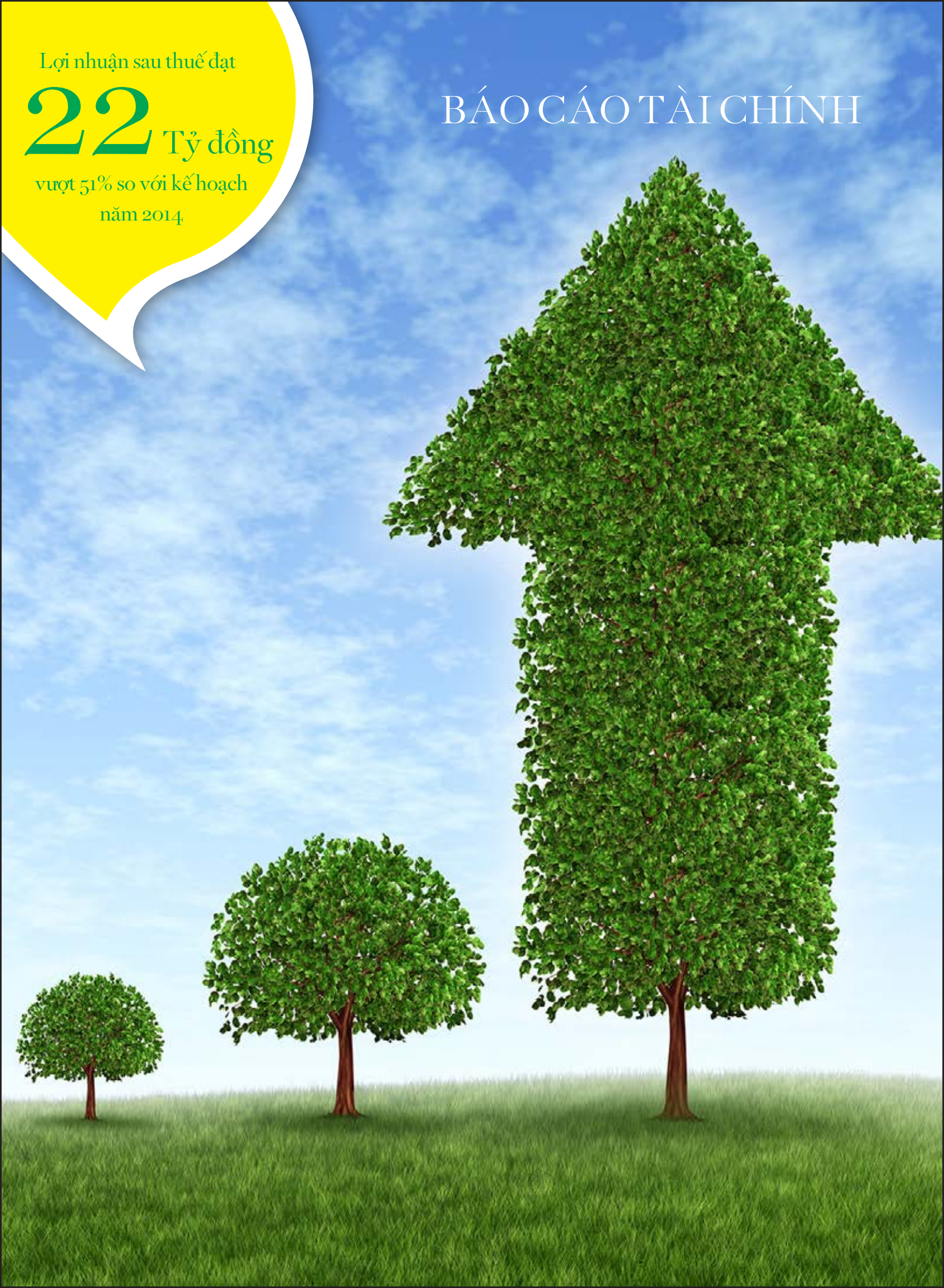
**Biện pháp phòng ngừa:** Tất cả các công nhân đều được đào tạo cơ bản về vệ sinh an toàn lao động và công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, liên tục xem xét và cải thiện môi trường làm việc trong nhà máy, định kỳ kiểm tra sức khỏe người lao động và kiểm tra định kỳ các thiết bị áp lực.

Lợi nhuận sau thuế đạt

**22** Tỷ đồng

vượt 51% so với kế hoạch  
năm 2014

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

#### NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)



# THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 1 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ban kiểm soát

Ông Dương Chí Hùng Trưởng ban  
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung Thành viên  
Ông Lý Minh Hoàng Thành viên

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hòa Chủ tịch  
Ông Bùi Ngọc Hạnh Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2014)  
Ông Hoàng Chí Thành Thành viên (từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2014)  
Ông Lê Tuấn Thành viên  
Ông Nguyễn Thanh Đức Thành viên  
Ông Võ Văn Thọ Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Đức Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2014)  
Ông Hoàng Chí Thành Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2014)  
Ông Hoàng Quang Dũng Giám đốc Điều hành Sản xuất  
Bà Nguyễn Thúy Phương Giám đốc Tài chính  
Ông Võ Văn Thọ Giám đốc Đầu tư Cung ứng  
Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt Giám đốc Kinh doanh (từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2014)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Đức Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2014)  
Ông Hoàng Chí Thành Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2014)

Trụ sở chính

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính năm tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

## PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Đức  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 9/3/2015

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN của Cục Tài chính Doanh nghiệp ban hành ngày 3 tháng 12 năm 2013. Việc áp dụng Công văn này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần phải lập là 8.655.189.315 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 9.974.770.411 đồng Việt Nam) và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm một khoản tương ứng.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán HCM4413  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 9/3/2015

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Lưu Thanh Bình'.

Lưu Thanh Bình  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2135-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>230.373.051.137</b>	<b>260.050.690.663</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.222.297.565	57.396.510.072
111	Tiền		12.222.297.565	27.396.510.072
112	Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		105.000.000.000	151.000.000.000
121	Đầu tư ngắn hạn	4	105.000.000.000	151.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		85.018.672.472	10.299.244.307
131	Phải thu khách hàng	5	83.820.849.420	8.133.378.247
132	Trả trước cho người bán		180.955.457	184.289.564
135	Các khoản phải thu khác	6	3.011.261.222	3.413.271.669
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.994.393.627)	(1.431.695.173)
140	Hàng tồn kho	7	23.385.835.039	40.501.463.620
141	Hàng tồn kho		23.385.835.039	40.502.541.620
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.078.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		4.746.246.061	853.472.664
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.735.202.503	219.609.083
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	1.404.060.339	65.996.013
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	606.983.219	567.867.568

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>63.352.509.476</b>	<b>46.268.980.490</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	34.300.000
218	Phải thu dài hạn khác		-	34.300.000
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>43.714.095.350</b>	<b>37.188.134.873</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	16.247.159.711	9.458.878.553
222	Nguyên giá		61.630.917.052	52.639.231.669
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(45.383.757.341)	(43.180.353.116)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	21.586.267.653	21.850.406.516
228	Nguyên giá		22.364.024.426	22.364.024.426
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(777.756.773)	(513.617.910)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	5.880.667.986	5.878.849.804
250	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.500.000.000</b>	<b>8.750.000.000</b>
258	Đầu tư dài hạn khác	11	6.500.000.000	8.750.000.000
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.138.414.126</b>	<b>296.545.617</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	12.900.201.259	58.332.750
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		222.212.867	222.212.867
268	Tài sản dài hạn khác		16.000.000	16.000.000
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>293.725.560.613</b>	<b>306.319.671.153</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		103.015.507.870	121.336.554.737
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		103.015.507.870	121.180.804.737
312	Phải trả người bán	13	56.442.453.351	45.712.665.917
313	Người mua trả tiền trước	14	120.221.399	8.175.689.214
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.667.605.984	17.093.948.193
315	Phải trả người lao động	16	10.039.524.312	14.139.785.962
316	Chi phí phải trả	17	27.891.768.294	22.128.971.813
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	3.225.881.140	3.216.575.828
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	5.547.318.391
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	3.628.053.390	5.165.849.419
330	<b>Nợ dài hạn</b>		-	155.750.000
333	Phải trả dài hạn khác	33(b)	-	155.750.000
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		190.710.052.743	184.983.116.416
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		190.710.052.743	184.983.116.416
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	85.000.000.000	85.000.000.000
414	Cổ phiếu quỹ	21	(347.276.838)	(347.276.838)
417	Quỹ đầu tư phát triển	21	76.993.818.878	74.771.910.450
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.500.000.000	8.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	20.563.510.703	17.058.482.804
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		293.725.560.613	306.319.671.153

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	77.979.657.500	29.058.979.976
Nợ khó đòi đã xử lý	2.177.520.282	2.177.520.282
Ngoại tệ các loại		
+ USD	1.086	715
+ EUR	498	497



Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Đức  
Tổng Giám đốc  
Ngày 9/3/2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng		426.247.881.468	418.983.869.655
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(21.479.240.707)	(7.085.837.509)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	23	404.768.640.761	411.898.032.146
11	Giá vốn hàng bán	24	(290.499.598.295)	(298.168.198.831)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		114.269.042.466	113.729.833.315
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25	11.840.820.481	13.071.886.924
22	Chi phí tài chính	26	(366.026.436)	(47.765.390)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		321.888.889	-
24	Chi phí bán hàng	27	(66.922.394.054)	(49.669.319.394)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(34.763.861.876)	(37.267.394.659)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		24.057.580.581	39.817.240.796
31	Thu nhập khác		4.042.220.829	4.400.532.347
32	Chi phí khác		(35.430.576)	(6.390.520.964)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	29	4.006.790.253	(1.989.988.617)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.064.370.834	37.827.252.179
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(5.845.286.559)	(11.607.090.540)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.219.084.275	26.220.161.639
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.621	3.093



Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập



Nguyễn Kiến Quốc  
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Đức  
Tổng Giám đốc  
Ngày 9/3/2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) Mẫu số B 03 – DN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	28.064.370.834	37.827.252.179
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	2.531.943.088	2.386.335.192
03	Các khoản dự phòng	(4.985.697.937)	5.239.996.566
04	Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.875.725	(887.628)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(11.838.084.533)	(12.764.892.593)
06	Chi phí lãi vay	321.888.889	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	14.096.296.066	32.687.803.716
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(76.980.003.263)	11.721.698.810
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	17.116.706.581	(135.898.897)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(514.946.899)	55.424.515.742
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(15.457.460.929)	220.887.948
13	Tiền lãi vay đã trả	(321.888.889)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(16.939.924.682)	(10.211.820.427)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	181.738.000	712.404.000
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(5.151.169.402)	(3.666.335.548)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(83.970.653.417)	86.753.255.344
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(8.957.904.565)	(4.881.178.092)
23	Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	46.000.000.000	(72.000.000.000)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.250.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	12.222.681.200	12.040.873.655
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	51.514.776.635	(64.840.304.437)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	50.000.000.000	-
34	Chi trả nợ gốc vay	(50.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(12.716.460.000)	(12.711.468.750)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(12.716.460.000)	(12.711.468.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(45.172.336.782)	9.201.482.157
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	57.396.510.072	48.194.287.941
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	(1.875.725)	739.974
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	12.222.297.565	57.396.510.072

  
 Nguyễn Thị Thu Thủy  
 Người lập

  
 Nguyễn Kiến Quốc  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thanh Đức  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 9/3/2015

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Mẫu số B 09 – DN

## ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 1 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng khoán số 108/UBCK-GPNY ngày 11/12/2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo số 845/TTGDHCM-NY ngày 20/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống, kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 380 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 378 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Theo hướng dẫn của Cục Tài chính Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính nêu tại công văn số 16709/BTC-TCND ngày 3/12/2013, Công ty không cần phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc ngay khi chi trả khoản trợ cấp này.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## 2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

## 2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

## 2.8 Đầu tư

### (a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

### (b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

## 2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Nhà xưởng và máy móc	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Phần mềm máy tính	3 - 10
Nhãn hiệu hàng hóa	10

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm và sẽ bắt đầu khấu hao khi đưa vào sử dụng.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, chai kết, công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng.

## 2.12 Ghi nhận doanh thu

### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

### (b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### (c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

## 2.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## 2.14 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

## 2.15 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí dĩ vay.

## 2.17 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Khi mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành của Công ty (cổ phiếu quỹ), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được tái phát hành. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán đi hoặc tái phát hành, số tiền nhận được trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán đi hoặc tái phát hành được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu.

## 2.18 Phương pháp trích lập các quỹ

### (a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty dựa trên mức được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

### (b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty dựa trên mức được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

### (c) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ tiền và hiện vật, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty dựa trên mức được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

### 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền mặt	114.009.341	5.592.309
Tiền gửi ngân hàng	12.108.288.224	27.390.917.763
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	12.222.297.565	57.396.510.072

### 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tính từ ngày gửi	-	61.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày gửi	105.000.000.000	90.000.000.000
	105.000.000.000	151.000.000.000

### 5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Bên thứ ba	83.820.849.420	8.133.378.247

### 6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Phải thu cổ tức	-	649.805.000
Phải thu lãi ngân hàng	2.905.208.333	2.640.000.000
Phải thu khác	106.052.889	123.466.669
	3.011.261.222	3.413.271.669

### 7 HÀNG TỒN KHO

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	1.043.703.801	1.261.930.918
Nguyên vật liệu	18.768.527.232	21.766.945.292
Công cụ, dụng cụ	148.214.429	41.831.125
Chi phí sản xuất dở dang	-	9.724.203
Thành phẩm	3.425.389.577	13.449.905.722
Hàng bán đang đi đường	-	3.972.204.360
	23.385.835.039	40.502.541.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.078.000)
	23.385.835.039	40.501.463.620

## 8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,352,969,271	-
Thuế nhập khẩu	51,037,906	65,996,013
Thuế khác	53,162	-
	1,404,060,339	65,996,013

## 9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tạm ứng cho nhân viên	347,807,106	299,577,000
Tài sản thiếu chờ xử lý	244,176,113	268,290,568
Ký quỹ ký cược	15,000,000	-
	606,983,219	567,867,568

## 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Nhà xưởng và máy móc VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4,498,872,432	40,717,409,130	7,063,755,969	359,194,138	52,639,231,669
Mua trong năm	537,049,950	4,781,317,855	3,498,744,716	138,973,862	8,956,086,383
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	99,999,000	-	-	99,999,000
Thanh lý	(64,400,000)	-	-	-	(64,400,000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	4,971,522,382	45,598,725,985	10,562,500,685	498,168,000	61,630,917,052
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	3,276,129,252	36,667,103,233	2,983,426,252	253,694,379	43,180,353,116
Khấu hao trong năm	195,433,308	1,099,200,267	907,958,982	65,211,668	2,267,804,225
Thanh lý	(64,400,000)	-	-	-	(64,400,000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	3,407,162,560	37,766,303,500	3,891,385,234	318,906,047	45,383,757,341
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1,222,743,180	4,050,305,897	4,080,329,717	105,499,759	9,458,878,553
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1,564,359,822	7,832,422,485	6,671,115,451	179,261,953	16,247,159,711

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39,066,572,200 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 37,292,577,834 đồng Việt Nam).

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VNĐ	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2014	21.077.917.500	104.000.000	1.182.106.926	22.364.024.426
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	10.833.335	502.784.575	513.617.910
Khấu hao trong năm	-	13.000.000	251.138.863	264.138.863
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	23.833.335	753.923.438	777.756.773
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	21.077.917.500	93.166.665	679.322.351	21.850.406.516
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.077.917.500	80.166.665	428.183.488	21.586.267.653

(\*) Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành ngày 11 tháng 6 năm 2012. Quyền sử dụng đất này chưa được tiến hành khấu hao do chưa được đưa vào sử dụng.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		2014 VNĐ
Số đầu năm	5.878.849.804	28.496.247.142
Tăng	1.818.182	86.600.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	-	(286.539.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10(b))	-	(22.116.136.026)
Xóa sổ	-	(301.322.312)
Số cuối năm	5.880.667.986	5.878.849.804

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	2.408.250.000	2.408.250.000
Quyền sử dụng đất tại Quận Tân Phú	90.909.091	90.909.091
Chi phí di dời nhà máy Nước Giải khát Chương Dương	324.411.362	322.593.180
Chi phí xây dựng văn phòng trung bày và giới thiệu sản phẩm tại Quận Tân Phú	2.949.766.104	2.949.766.104
Chi phí đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài	107.331.429	107.331.429
	5.880.667.986	5.878.849.804



## 11 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	2014			2013		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	% Sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	% Sở hữu
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Cơ sở Hạ tầng Khu Công nghiệp Sabeco	-	-	-	225.000	2.250.000.000	6%
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	650.000	6.500.000.000	6%	650.000	6.500.000.000	6%
		6.500.000.000			8.750.000.000	

## 12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Bao bì luân chuyển (*)	12.900.201.259	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	58.332.750
	12.900.201.259	58.332.750

(\*) Biến động trong năm của bao bì luân chuyển được trình bày như sau:

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	14.210.865.880	-
Phân bổ trong năm	(1.310.664.621)	-
Số cuối năm	12.900.201.259	-

## 13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba	54.339.913.953	43.074.517.037
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	2.102.539.398	2.638.148.880
	56.442.453.351	45.712.665.917

## 14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba	120.221.399	8.175.689.214

## 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2014	2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.609.148.459	847.893.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	6.563.306.235
Thuế thu nhập cá nhân	55.207.525	8.270.693
Thuế tài nguyên	3.250.000	2.701.200
Thuế nhà đất	-	9.671.776.500
	1.667.605.984	17.093.948.193

## 16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12, tiền lương tháng 13 và thưởng dựa trên kết quả công việc năm 2014 phải trả cho nhân viên.

## 17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	9.696.889.788	4.029.298.436
Chi phí thưởng nhân viên	-	2.247.329.663
Chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí khuyến mãi	15.150.570.965	13.506.009.081
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	2.092.304.000	1.349.936.000
Chi phí khác	952.003.541	996.398.633
	27.891.768.294	22.128.971.813

## 18 CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, NGẮN HẠN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	264.198.427	265.053.814
Kinh phí công đoàn	-	48.451.246
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	36.418.231	9.442.456
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.633.382.000	2.577.706.000
Cổ tức phải trả	234.487.250	230.821.250
Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.395.232	85.101.062
	3.225.881.140	3.216.575.828

19 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	5.165.849.419	2.110.735.790
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 21)	3.728.660.116	5.356.647.042
Sử dụng	(5.266.456.145)	(2.301.533.413)
Số cuối năm	3.628.053.390	5.165.849.419

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2014	2013
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2014		2013	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.261.500	62	5.261.500	62
Các cổ đông khác	3.238.500	38	3.238.500	38
	8.500.000	100	8.500.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2014	85.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	85.000.000.000	(347.276.838)	62.146.555.349	7.316.984.371	22.719.798.937	176.836.061.819
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	26.220.161.639	26.220.161.639
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển bổ sung năm 2012	-	-	10.003.338.937	-	(10.003.338.937)	-
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.622.016.164	-	(2.622.016.164)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.183.015.629	(1.183.015.629)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(5.356.647.042)	(5.356.647.042)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	85.000.000.000	(347.276.838)	74.771.910.450	8.500.000.000	17.058.482.804	184.983.116.416
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.219.084.275	22.219.084.275
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(3.728.660.116)	(3.728.660.116)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.221.908.428	-	(2.221.908.428)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	47.027.832	(47.027.832)	-
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(47.027.832)	-	(47.027.832)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	85.000.000.000	(347.276.838)	76.993.818.878	8.500.000.000	20.563.510.703	190.710.052.743

Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.360 cổ phiếu, tương đương 347.276.838 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 22.360 cổ phiếu, tương đương 347.276.838 đồng Việt Nam).

## 22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	22.219.084.275	26.220.161.639
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.477.640	8.477.640
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.621	3.093

## 23 DOANH THU BÁN HÀNG

	2014	2013
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	426.247.881.468	418.983.869.655
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(21.471.060.707)	(7.040.945.109)
Hàng bán bị trả lại	(8.180.000)	(44.346.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(546.400)
	(21.479.240.707)	(7.085.837.509)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>404.768.640.761</b>	<b>411.898.032.146</b>

## 24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	290.500.676.295	298.838.863.695
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.078.000)	(670.664.864)
	290.499.598.295	298.168.198.831

## 25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11.303.978.120	11.766.604.905
Cổ tức và lợi nhuận được chia	534.106.413	1.299.610.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.735.948	4.784.391
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	887.628
	11.840.820.481	13.071.886.924

## 26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Lãi vay	321.888.889	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	42.261.822	47.765.390
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.875.725	-
	366.026.436	47.765.390

## 27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí hỗ trợ bán hàng	20.702.683.431	18.658.734.764
Chi phí vận chuyển	14.732.369.393	7.930.540.091
Chi phí quảng cáo	14.023.212.198	7.082.544.616
Chi phí lương	10.870.611.815	12.347.192.410
Chi phí bao bì, chai kết	1.310.664.621	377.518.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.714.518	430.701.732
Chi phí khác	4.707.138.078	2.842.087.322
	66.922.394.054	49.669.319.394

## 28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuê đất	10.529.253.906	11.468.041.040
Chi phí lương	9.956.771.746	11.279.917.634
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.037.797.833	3.882.341.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	848.260.033	836.634.174
Chi phí thù lao nhân sự chủ chốt	660.000.000	532.000.000
Chi phí khác	11.731.778.358	9.268.459.950
	34.763.861.876	37.267.394.659

## 29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Hỗ trợ vỡ lon	-	964.180.904
Tiền thu thanh lý vỏ chai kết	1.416.702.359	141.375.189
Tiền thu thanh lý vật tư, phụ tùng	-	1.021.454.549
Tiền hỗ trợ quảng cáo	-	110.000.000
Tiền bồi thường đất	-	2.048.982.716
Khác	2.625.518.470	114.538.989
	4.042.220.829	4.400.532.347
<b>Chi phí khác</b>		
Thanh lý vật tư, phụ tùng	-	753.281.875
Phạt vi phạm hành chính	35.190.968	89.894.819
Khác	239.608	5.547.344.270
	35.430.576	6.390.520.964
Lợi nhuận/(lỗ) khác	4.006.790.253	(1.989.988.617)

## 30 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành như sau:

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.064.370.834	37.827.252.179
Thuế tính ở thuế suất 22% (2013: 25%)	6.174.161.583	9.456.813.045
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	259.432.971	2.141.419.995
Thu nhập không chịu thuế	(638.673.681)	(324.902.500)
Dự phòng thiếu của năm trước	50.365.686	333.760.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.845.286.559	11.607.090.540
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	5.845.286.559	11.607.090.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	5.845.286.559	11.607.090.540

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

### 31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	245.634.744.667	266.129.134.277
Chi phí nhân công	49.014.053.579	47.619.708.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.531.943.088	2.325.430.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.574.119.660	28.292.218.706
Chi phí bằng tiền khác	46.311.263.862	38.819.515.912
	378.066.124.856	383.186.007.308

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trên chưa bao gồm khoản chiết khấu thương mại giảm trừ trực tiếp trên doanh thu.

### 32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### (a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

##### (i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu về tiền tệ do Công ty chủ yếu giao dịch bằng đồng Việt Nam.

##### (ii) Rủi ro giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro trọng yếu về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

##### (iii) Rủi ro lãi suất

Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không còn khoản vay nào cuối năm.

#### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

#### (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác với số tiền là 59.668.334.491 đồng Việt Nam (tại 31 tháng 12 năm 2013: 48.929.241.745 đồng Việt Nam) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.



### 33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 62% vốn cổ phần của Công ty.

#### (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
<b>i) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	5.638.373.238
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	162.800.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí SABECO	62.353.500	-
	62.353.500	5.801.173.238
<b>ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.938.700.666	1.546.357.677
<b>iii) Hoạt động tài chính – trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.892.250.000	7.892.250.000

#### (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 13)</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	2.102.539.398	2.638.148.880
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	-	155.750.000

### 34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chủ yếu chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

### 35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12. 2014	31.12. 2013
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	427.578.000	421.682.000
Từ 1 đến 5 năm	1.710.312.000	1.686.728.000
Trên 5 năm	15.127.759.500	15.334.237.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	17.265.649.500	17.442.647.500

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 9/3/2015

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập

Nguyễn Kiến Quốc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Đức  
Tổng Giám đốc  
Ngày 9/3/2015



***Chương Dương ngôi nhà chung của chúng ta.***

“...Văn hóa ứng xử trong Công ty là một trong những nhân tố góp phần xây dựng hình ảnh Công ty, xây dựng văn hóa Công ty với bản sắc riêng...”.